

# NEVASTANE EP

## Bản Đặc Tính Kỹ Thuật



### Dầu bánh răng gốc khoáng thích hợp cho tiếp xúc ngẫu nhiên với thực phẩm

#### Ứng Dụng

- Dầu **NEVASTANE EP** được khuyến nghị cho việc bôi trơn của các hộp giảm tốc, các ổ trượt hoặc lăn chịu tải trọng lớn trong ngành công nghiệp chế biến thực phẩm.
- Dầu **NEVASTANE EP** còn thích hợp cho việc bôi trơn nhiều ứng dụng trong ngành công nghiệp thực phẩm như các dây xích và các dây băng tải.
- Công thức của **NEVASTANE EP** được làm từ dầu gốc khoáng trắng và các phụ gia hiệu suất cao cung cấp các chức năng chống ôxi hóa, chống mài mòn và chịu áp lực cực trị tuyệt hảo.

#### Hiệu năng

- Công thức của dầu **NEVASTANE EP** tuân thủ tiêu chuẩn FDA chương 21 CFR, 178.3570.
- Dầu **NEVASTANE EP** đã được đăng ký tiêu chuẩn **NSF – H1**:  
NEVASTANE EP 100: Số 127081    NEVASTANE EP 150: Số 123563    NEVASTANE EP 220: Số 123523  
NEVASTANE EP 320: Số 123143    NEVASTANE EP 460: Số 123564    NEVASTANE EP 680: Số 135815  
NEVASTANE EP 1000: Số 123561
- Dầu **NEVASTANE EP** đã được chứng nhận chất lượng bởi **Kosher** và **ISO 21469**.
- Tiêu chuẩn quốc tế: ISO 6743-4 CKC.
- Dầu **NEVASTANE EP** là các dầu ổn định sinh học, chúng không khuyến khích sự phát triển của vi khuẩn và nấm mốc.

#### Ưu Điểm

- Dầu **NEVASTANE EP** được khuyến nghị sử dụng ở những nơi mà sự tiếp xúc ngẫu nhiên với thực phẩm có thể xảy ra. Việc sử dụng dầu bôi trơn trong bảo trì đã được đăng ký tiêu chuẩn NSF – H1 sẽ giúp giảm thiểu các điểm kiểm soát quan trọng theo yêu cầu bởi HACCP.
- Bảo vệ thượng hạng chống lại tải trọng cao.
- Đáp ứng các dải ứng dụng rộng rãi.

#### Đặc Tính Kỹ Thuật

| Các đặc tính tiêu biểu                        | Phương pháp | Đơn vị tính        | NEVASTANE EP        |      |      |      |     |     |      |
|---|-------------|--------------------|---------------------|------|------|------|-----|-----|------|
|   |             |                    | 100                 | 150  | 220  | 320  | 460 | 680 | 1000 |
| Sự thể hiện                                   | Bằng mắt    | -                  | Lỏng, sáng và trong |      |      |      |     |     |      |
| Tỷ trọng ở 15 <sup>0</sup> C                  | ISO 12185   | kg/m <sup>3</sup>  | 850                 | 875  | 878  | 878  | 877 | 884 | 880  |
| Độ nhớt ở 40 <sup>0</sup> C                   | ISO 3104    | mm <sup>2</sup> /s | 100                 | 150  | 220  | 320  | 460 | 680 | 1000 |
| Độ nhớt ở 100 <sup>0</sup> C                  | ISO 3104    | mm <sup>2</sup> /s | 11,3                | 14,5 | 19,5 | 26,3 | 29  | 51  | 60   |
| Chỉ số độ nhớt (VI)                           | ISO 3104    | -                  | 100                 | 90   | 100  | 110  | 100 | 125 | 110  |
| Điểm chớp cháy cốc hở                         | ISO 2592    | <sup>0</sup> C     | 216                 | 216  | 227  | 215  | 218 | 240 | 206  |
| Điểm cháy cốc hở                              | ISO 2592    | <sup>0</sup> C     | 246                 | 250  | 254  | 243  | 243 | 263 | 268  |
| Điểm đông đặc                                 | ISO 3016    | <sup>0</sup> C     | -9                  | -9   | -9   | -9   | -9  | -9  | -9   |
| Mài mòn 4 bi (đường kính sẹ)                  | ASTM D4172  | mm                 | 0,4                 | 0,4  | 0,4  | 0,3  | 0,3 | 0,3 | 0,3  |
| Tải trọng hàn EP – Thử 4 bi                   | ASTM D2783  | daN                | 160                 | 160  | 160  | 160  | 160 | 160 | 160  |
| FZG (A/8, 3/90 <sup>0</sup> C)-Giai đoạn hồng | DIN 51354-2 | -                  | 12                  | 12   | 12   | 12   | 12  | 12  | 12   |

Các thông số trên đại diện cho các giá trị trung bình

- Khuyến nghị:**
- Bảo quản sản phẩm ở nhiệt độ xung quanh.
  - Hạn chế thời gian tiếp xúc nhiệt độ cao hơn 35<sup>0</sup>C.
  - Thời gian lưu kho: **5 năm**, tính từ ngày sản xuất (chưa mở phuy).

#### NEVASTANE EP; Phiên bản ngày 02 tháng 08 năm 2010

Dầu này khi được sử dụng theo khuyến nghị của chúng tôi và cho mục đích đã dự định, sẽ không có mối nguy hiểm đặc biệt nào.

Bản đặc tính an toàn sản phẩm tuân theo pháp chế EC hiện hành có thể được cung cấp bởi Công Ty TNHH Total Việt Nam.